

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ S  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST  
Ngày: 07- 01 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thơm

Ông Nguyễn Viết Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố S, Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố S, xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/HSST ngày 05 tháng  
12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST- HS  
ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị H** - sinh năm 1979, tại: huyện S, Thành phố H; Nơi  
ĐKNKTT: Xã P, huyện S, Thành phố H; Chỗ ở: Khối 14, Xã P, huyện S, Thành  
phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh;  
giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Ngọc L, đã  
chết; con bà: Đinh Thị O, sinh năm: 1940; có chồng: Nguyễn Đức C, sinh năm  
1964 và có 02 con, lớn sinh năm: 2002, nhỏ sinh năm 2006; tiền sự: Không; tiền  
án: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

***- Bị hại:*** Chị Hoàng Thị Bích T- sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện Đ, Thành phố H (có mặt)

***-Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn L – SN 1967; địa chỉ: Số nhà 26 A, tổ 24 thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H (vắng)
2. Anh Nguyễn Văn M – Sn 1970; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Đ, Thành phố H (vắng)
3. Anh Nguyễn Văn K – SN 1971; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Đ, Thành phố H (có mặt).
4. Chị Nguyễn Thị T1 – SN 1979; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Đ, Thành phố H (vắng)
5. Chị Nguyễn Thị T2 – SN 1988; địa chỉ: Khu phố S, phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa (vắng)

6. Anh Cao Văn K – SN 1997; địa chỉ: Khu phố, Phường B, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.(vắng)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ chồng là anh Nguyễn Văn T có quan hệ tình cảm với Lê Thị H nên giữa chị Hoàng Thị Bích T (vợ của anh T) với Lê Thị H đã xảy ra mâu thuẫn với nhau từ trước. Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/6/2019, anh Nguyễn Văn T cùng vợ là chị Hoàng Thị Bích T đi vào quán nước của gia đình chị Nguyễn Thị Th ở số nhà 04 đường L, khu phố H, Phường B, Thành phố S thì gặp Lê Thị H, anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn M cũng đang ngồi uống nước ở đây. Lúc này, anh Nguyễn Văn L có hỏi anh Nguyễn Văn T: “vợ chú đây à” (do anh L không biết chị T là vợ của anh T), chị Hoàng Thị Bích T trả lời: “không, em không phải là vợ mà là bồ”. Nghĩ chị Hoàng Thị Bích T có lời nói khiêu khích với mình nên Lê Thị H cầm một cái chén uống nước chè bằng sứ, màu xanh (chiều cao 04 cm và chiều rộng miệng chén 04 cm) đang để ở bàn uống nước hất nước và ném về phía chị Hoàng Thị Bích T nhưng không trúng. Chị Hoàng Thị Bích T nói lại: “đồ con chó, mày làm cái trò gì đấy”, Lê Thị H tiếp tục cầm một chiếc chén uống nước chè bằng sứ, màu xanh (chiều cao 04 cm và chiều rộng miệng chén 04 cm) ném trúng vào giữa cung lông mày làm chị Hoàng Thị Bích T bị thương tích, chảy máu. Anh Nguyễn Văn T lao vào, dùng tay tát 01 cái vào mặt Lê Thị H nhưng không gây thương tích gì. Lê Thị H cầm cái ghế nhựa ném nhưng anh Nguyễn Văn T đỡ được, lấy ghế nhựa ném lại Lê Thị H và cầm chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của Lê Thị H đang để ở trên bàn ném vào người Lê Thị H thì chiếc điện thoại rơi xuống nền nhà bị vỡ kính màn hình điện thoại. Sau khi được mọi người can ngăn thì các bên đã dừng lại, không đánh nhau nữa.

Hậu quả, chị Hoàng Thị Bích T bị 01 vết thương hình cong ở giữa hai cung lông mày, bờ mép sắc gọn, kích thước 4 x 0,7 cm, sâu sát xương chảy máu. và được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố S và Bệnh viện X, thành phố H đến ngày 02/7/2019 ra viện. Tại bản kết luận giám định pháp y số: 520/2019/TTPY ngày 09/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hoá kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho chị Hoàng Thị Bích T là: 03 % (Ba phần trăm). Đến ngày 17/9/2019, chị Hoàng Thị Bích T đã làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 67/KL-HĐĐG ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Thành phố S, kết luận: Chiếc điện thoại đi động Iphone 6 Plus màu vàng đồng bị nứt, vỡ góc mặt trước phía trên bên phải, kích thước 1,5 cm và một vết nứt nhỏ hình cung cong ngang màn hình tại vị trí mặt trước, phía dưới, đường nứt dài 08 cm, có thể khắc phục sửa chữa lại nguyên trạng ban đầu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập xác minh vật chứng là 01 chén uống nước chè bằng sứ, màu xanh (chiều cao 04 cm và chiều rộng miệng chén 04 cm) bị vỡ thành nhiều mảnh, nhưng không thu giữ được. Đối với chiếc

điện thoại đi động Iphone 6 Plus màu vàng đồng bị nứt, vỡ góc mặt trước phía trên bên phải, kích thước 1,5 cm và một vết nứt nhỏ hình cung cong ngang màn hình tại vị trí mặt trước, phía dưới, đường nứt dài 08 cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sầm Sơn đã trả lại cho Lê Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Bích T yêu cầu bồi thường số tiền 21.825.000 đồng chi phí điều trị, các tài liệu giao nộp yêu cầu bồi thường bao gồm: Hóa đơn bán lẻ ngày 27/6/2019 số tiền 1.150.000 đồng; Hóa đơn bán lẻ ngày 03/7/2019 số tiền 1.350.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 25/6/2019 số tiền 1.628.484 đồng kèm theo Bảng kê chi phí khám chữa bệnh nội trú ngày 25/6/2019; Hóa đơn bán hàng ngày 26/8/2019 số tiền 50.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 02/7/2019 số tiền 1.077.398 đồng, cộng: 5.255.882 đồng; Hóa đơn bán lẻ ngày 03/7/2019 số tiền 15.500.000đ. Cộng 21.825.000đ. Ngoài ra chị Thủy còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền công người chăm sóc trong thời gian điều trị từ ngày 23/6/2019 đến 25/6/2019 và từ ngày 26/6/2019 đến 02/7/2019 là 11 ngày x 300.000đ/ ngày = 3.300.000đ; tiền bồi thường tổn thất tinh thần một lần = 20.000.000đ. Tổng cộng là 45.125.000đ (bốn mươi lăm triệu một trăm hai lăm nghìn đồng). Tiền mất thu nhập và các khoản tiền khác chị không yêu cầu xem xét bồi thường.

Đối với thiệt hại của bị cáo trong quá trình xảy ra xô sát với anh T, anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng là 300.000 đồng, cho Lê Thị H và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số:70/CTr-VKS.SS ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S, truy tố bị cáo Lê Thị H, về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm b, điểm i điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị tuyên phạt Lê Thị H, mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, không đề nghị phải khấu trừ thu nhập.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 21.825.000đ, tiền công mất thu nhập công người chăm sóc, tiền bồi thường tổn thất tinh thần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Số tiền bị cáo đã nộp được đối trừ vào số tiền buộc bồi thường.

Người bị hại, không có ý kiến bổ sung về tội danh, về hình phạt và mức bồi thường như quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Lê Thị H không có ý kiến đề nghị tranh luận về tội danh, khung hình phạt, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng lượng khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về quan điểm bồi thường thiệt hại, bị cáo đề nghị xem xét những tài liệu chứng cứ hợp lệ thì bị cáo nhất trí bồi thường.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H khai nhận: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 23/6/2019 tại số nhà 04, đường L, khu phố H, Phường B, Thành phố S, bị cáo và người bị hại đã xảy ra mâu thuẫn, do không kiềm chế được bức xúc nên đã dùng cốc sứ uống nước ném vào người và vào mặt chị Thủy, sau đó được mọi người can ngăn thì chấm dứt. Lời khai của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng, người bị hại, Kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác được thu thập theo trình tự tố tụng. Đủ căn cứ để kết luận, bị cáo Lê Thị H là người trực tiếp dùng chén sứ uống nước ném vào vùng mặt gây tổn thương cơ thể 03% cho chị Hoàng Thị Bích T. Hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

[2]. Xét tính chất của vụ án: Chị Hoàng Thị Bích T và bị cáo có hiểu nhầm trong chuyện tình cảm, nên khi gặp nhau tại thành phố S hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, bị cáo đã dùng chén sứ ném vào vùng mặt bị hại gây nên tổn thương cơ thể 03 %. Hành vi của bị cáo Lê Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do đó cần phải được xử lý để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết giảm nhẹ TNHS. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong giai đoạn xét xử bị cáo đã tự nguyện giao nộp khoản tiền năm triệu đồng bồi thường cho người bị hại. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b, điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 để xem xét giảm nhẹ phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng không có căn cứ xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào khác. Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được coi là người có nhân thân tốt.

[4]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy bị cáo phạm tội nhưng có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không cần thiết cách

ly ra khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo sự nghiêm minh và trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Cần áp dụng Điều 36 của BLHS để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ. Do bị cáo không có việc làm ổn định, là lao động tự do không có thu nhập từ lương, nên không xem xét khấu trừ thu nhập hàng tháng.

[5]. Về tính hợp pháp trong quá trình điều tra; Việc chấp hành pháp luật Tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cùng cấp được ban hành trong thời hạn, đúng thẩm quyền. Người tham gia tố tụng được giao nhận văn bản tố tụng, tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ khi khai báo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

[7] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại: Chị Hoàng Thị Bích T yêu cầu bồi thường số tiền 21.825.000 đồng chi phí điều trị; Tiền công người chăm sóc 300.000đ/ ngày và tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần là 20.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu hóa đơn do chị xuất trình yêu cầu bồi thường chỉ có đủ căn cứ để chấp nhận các khoản bao gồm: Hóa đơn bán lẻ ngày 27/6/2019 số tiền 1.150.000 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 25/6/2019 số tiền 1.628.484 đồng kèm theo Bảng kê chi phí khám chữa bệnh nội trú ngày 25/6/2019 tại Bệnh viện thành phố S; Tiền sao bệnh án 50.000đ; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 02/7/2019 số tiền 1.077.398 đồng của Bệnh viện X, thành phố H; Tiền công người chăm sóc 300.000đ/ ngày x 11 này = 3.300.000đ; tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần chấp nhận một phần yêu cầu bằng 03 tháng lương cơ sở là 1.490.000đ x 03 tháng = 4.470.000đ. Tổng cộng = 11.675.882đ (mười một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi hai đồng). Không chấp nhận các hóa đơn chi phí điều trị gồm: Hóa đơn bán lẻ ngày 03/7/2019 số tiền 1.350.000 đồng; Hóa đơn bán lẻ 03/7/2019 số tiền 15.500.000đ, vì các hóa đơn này không có chỉ định mua của Bác sỹ nên không hợp lệ. Tại phiên tòa, bị cáo giao nộp biên lai tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) số tiền trên được đối trừ nghĩa vụ thi hành án. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị Thủy số tiền 6.675.882đ (sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi hai đồng) là phù hợp.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc trường hợp phải nộp án phí HSST. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTV QH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hoặc Ủy ban nhân dân Xã P, huyện S, Thành phố H, nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ 584. 590, khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Bích T, số tiền 11.675.882đ (mười một triệu sáu trăm bảy lăm nghìn tám trăm tám hai đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), theo biên lai thu số: AA/2015/0001625, ngày 07/01/2019. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 6.675.882đ (sáu triệu sáu trăm bảy lăm nghìn tám trăm tám hai đồng). Tiếp tục thu giữ số tiền đã nộp theo biên lai thu ký hiệu số: AA/2015/0001625 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố S để đảm bảo công tác thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo không tự nguyện thi hành án thì phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường cho bị hại.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 333.794 đồng (ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm chín tư đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKS TP. S;
- Người bào chữa;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. S;
- Thi hành án HS, DS TP. S;
- Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Nghi**



***Nơi nhận;***

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Bị cáo;
- Cơ quan THHS;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nghi**